TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Hồng Vân

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1995 (vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Lê Hải D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1990 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 5BA, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2024, đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 07 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Lê Hải D chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 22/2016 ngày 19 tháng 02 năm 2016. Chị và anh Lê Hải D có 01 người con chung tên Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2011 hiện nay

đang chung sống với chị; về tài sản chung và nợ, chị và anh Lê Hải D không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Lê Hải D thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, anh Lê Hải D không lo làm ăn chăm lo cho gia đình, thường xuyên cự cải về vấn đề kinh tế gia đình nên chị và anh Lê Hải D sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Lê Hải D không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hải D. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2011 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh Lê Hải D cấp dưỡng nuôi con, mặt dù đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu giải quyết gì khác.

** Tại Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Lê Thị Cẩm M như sau*:

Lê Thị Cẩm M con của chị Trần Thị Cẩm T và anh Lê Hải D, địa chỉ: ấp 5BA, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Từ khi cha và mẹ không chung sống với nhau thì Lê Thị Cẩm M sống chung với mẹ là chị Trần Thị Cẩm T, địa chỉ: ấp 5BA, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu cha mẹ Lê Thị Cẩm M ly hôn, Lê Thị Cẩm M có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Trần Thị Cẩm T và cam kết lời trình bày Lê Thị Cẩm M là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại Biên bản xác minh ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh Lê Hải D và chị Trần Thị Cẩm T xác lập hôn nhân và có sinh sống, làm việc tại ấp 5BA, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi bất hòa về làm ăn kinh tế gia đình, sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay; thời gian anh chị chung sống có 01 người con chung, hiện nay đang chung sống với chị Trần Thị Cẩm T.

** Bị đơn anh Lê Hải D*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Lê Hải D biết để anh có ý kiến về việc chị Trần Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh nhưng anh Lê Hải D không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Trần Thị Cẩm T (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn chị Trần Thị

Cẩm T và anh Lê Hải D số: 22/2016 ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Trích lục khai sinh Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2011 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của người bị kiện ngày 25 tháng 4 năm 2024 của chị Trần Thị Cẩm T (Bản chính); Trình bày nguyện vọng ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Lê Thị Cẩm M (Bản chính) và Biên bản xác minh ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Hải D vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự, gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Hải D vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hải D và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Lê Hải D. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị cho chị Trần Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Cẩm T không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Trần Thị Cẩm T tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Lê Hải D và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp 5BA, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Hải D biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Trần Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với

anh Lê Hải D nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Lê Hải D vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Trần Thị Cẩm T và anh Lê Hải D thì chị Trần Thị Cẩm T gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Lê Hải D vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Cẩm T và anh Lê Hải D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Trần Thị Cẩm T và anh Lê Hải D chung sống với nhau vào năm 2011, đến năm 2016 đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 22/2016 ngày 19 tháng 02 năm 2016, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hải D, quá trình chung sống anh Lê Hải D không hòa hợp, thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình nên chị và anh Lê Hải D sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, chị và anh Lê Hải D không còn tình cảm vợ chồng nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hải D, nhưng anh Lê Hải D không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Trần Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hải D là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Cẩm T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hải D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm T, cho chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Lê Hải D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Trần Thị Cẩm T và anh Lê Hải D có 01 người con chung tên Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2011, chung sống với chị Trần Thị Cẩm T từ khi anh chị ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị Trần Thị Cẩm T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung; anh Lê Hải D không có ý

kiến yêu cầu gì khác, đồng thời người con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với chị Trần Thị Cẩm T, con của anh chị đã thích nghi với cuộc sống hiện tại và có nguyện vọng chung sống với chị Trần Thị Cẩm T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Trần Thị Cẩm T và nguyện vọng của con anh chị, giao người con chung của anh chị tên: Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2011 cho chị Trần Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Cẩm T không yêu cầu anh Lê Hải D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Trần Thị Cẩm T tự xác định, chị và anh Lê Hải D không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Lê Hải D.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên: Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2011 cho chị Trần Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Lê Thị Cẩm M và hiện nay đang chung sống với chị Trần Thị Cẩm T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Cẩm T không yêu cầu anh Lê Hải D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Thị Cẩm T tự xác định, chị và anh Lê Hải D không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003492 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Thị Cẩm T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện AB, Kiên Giang;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo